TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 399/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 634/2026/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 01/01/1988. Địa chỉ: Ấp M, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Mai Văn N, sinh ngày 01/01/1992. Địa chỉ: Ấp M, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Mai Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Mai Văn N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Mai Hồng N1, sinh ngày 29/02/2016 và Mai Thành Q sinh ngày 16/12/2021.

Chị Nguyễn Thị B và Mai Văn N thoả thuận anh Mai Văn N nuôi dưỡng Mai Hồng N1, sinh ngày 29/02/2016 theo nguyện vọng của con. Nguyễn Thị B nuôi dưỡng Mai Thành Q sinh ngày 16/12/2021, sau khi ly hôn.

Chị B, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản

trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị B và Mai Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và Mai Văn N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B tự thoả thuận nộp án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001146 ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị Nguyễn Thị B được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13 – Vĩnh Long;
- UBND xã Vinh Kim, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh